

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-PT

Ngày 05/8/2022

“V/v kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Duy Hải và ông Bùi Đức Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2022/TLPT-DS ngày 17/5/2022 về việc: “*Kiện đòi tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2022/QĐPT-DS ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông **Coóng Mẫn D**, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người đại diện: ông **Vũ Thế B**, sinh năm 1940; địa chỉ: khu C, phường CH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/5/2021, có mặt.

- *Bị đơn:* anh **Giang Văn T**, sinh năm 1982 và anh **Giang Văn M**, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, đều có mặt.

Người đại diện: ông **Đặng Thanh S**, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 03/8/2022, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

+ Anh **Đặng Văn Tr**, sinh năm 1979 và chị **Phan Thị T**, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh (anh Tr có mặt, chị T vắng mặt).

+ Anh **Lý Văn H**, sinh năm 1969 và chị **Lê Thị H**, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. *Người kháng cáo*: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D, là ông **Vũ Thế B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Coóng Mần D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Thế B, trình bày:*

Năm 1980, ông D chung sống với bà Đặng Thị K, sinh được hai con chung là Giang Văn T và Giang Văn M. Năm 2007, bà K chết không để lại di chúc (bố mẹ bà K đều chết trước bà K). Quá trình chung sống ông D và bà K tạo dựng được những tài sản chung sau đây:

(1) Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31, diện tích 1100m² tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; về nguồn gốc: năm 1982, ông D và bà K mua lại của ông Đặng Thanh S (ông S là em ruột của bà K), khi mua đất chỉ có ngôi nhà nhỏ (nay làm nhà bếp) và móng nhà lớn. Còn ngôi nhà lớn, là năm 1986: ông D và bà K xây dựng lên cùng với nhà kho, chuồng trại, trồng một số cây ăn quả. Ngày 13/9/1999, ông D và bà K được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số H086750, mang tên ông Coóng Mần D.

(2) Thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 312,4m² tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh là của ông D và bà K khai hoang, tôn tạo vào năm 1984 chưa được cấp GCNQSDĐ, trên đất hiện đang trồng cây chuối và cây đu đủ.

Năm 2017: ông D, anh T và anh M đã thỏa thuận chia cho ông D được quyền sử dụng hai thửa đất nêu trên và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất của hai thửa đất này.

(3) Thửa đất số 583, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 573,5m² tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; về nguồn gốc: năm 1993, ông D - bà K có khai hoang thửa đất gần nhà bà Hoàng Thị Seo ở thôn Đông Hợp, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh nên ông D - bà K đã đổi đất cho bà Seo lấy thửa đất liền kề phía trước nhà ông D - bà K lấy diện tích 573,5m² tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2017, anh Giang Văn T lấy vợ, xin phép ông D được xây dựng nhà trên thửa đất này để ra ở riêng, ông D đã đồng ý. Năm 2017: ông D, anh T và anh M đã thỏa thuận chia cho anh T được quyền sử dụng thửa đất này.

(4) Thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 401,2m² tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh là của ông D và bà K tôn tạo, bao chiếm vào năm 1984. Năm 2011, ông D nhờ anh Đặng Văn Tr (là con của ông Đặng Văn Sơn) làm giấy tờ và mang tên anh Đặng Văn Tr. Năm 2017: ông D, anh T và anh M đã thỏa thuận chia cho anh M được quyền sử dụng thửa đất này.

Năm 2007, bà K chết; ông D, anh T và anh M vẫn sống chung tại ngôi nhà lớn xây trên thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31. Năm 2011, ông D đón bà Trần Thị V về chung sống (năm 2012, đăng ký kết hôn). Ông D - bà V cùng anh T, anh M chung sống hòa thuận tại nhà đất này, đến năm 2016, thì vợ chồng ông D và anh T, anh M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống. Anh T và anh M tự ý sửa chữa nhà nhưng không hỏi ý kiến của ông D, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Cuối năm 2017, anh T và anh M còn đe dọa, đánh

đuôi ông D và bà V ra khỏi nhà, nhằm chiếm đoạt tài sản của ông D. Ông D và bà V phải chuyển ra sống tại nhà riêng của bà V từ đó cho đến nay.

Ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: anh T và anh M phải tháo dỡ mái tôn, tường gạch, móng nhà và chuyển đi ở chỗ khác trả lại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31, diện tích đất 1.100m² và tài sản gắn liền với đất và thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 312,4m²; địa chỉ đều tại: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh cho ông D.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Giang Văn T, anh Giang Văn M và người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Thanh S, đều trình bày:*

Ông D và bà Đặng Thị K chung sống với nhau từ năm 1980, quá trình sống chung đã tạo dựng được hai thửa đất là: thửa 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31, diện tích 1100m² cùng tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà lớn, nhà bếp, nhà kho, chuồng bò. Toàn bộ diện tích đất và nhà bếp, móng nhà lớn là của ông Đặng Thanh S (em bà K) bán lại cho bà K từ năm 1982 và thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 312,4m², hiện đang trồng chuối; địa chỉ đều tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 401,2m²; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, là của anh Đặng Văn Tr và chị Phan Thị T (là con ông S). Nguồn gốc thửa đất này là của bố mẹ ông S, bà K và bà Phước khai hoang cấy lúa từ năm 1981 đến năm 1985. Sau đó, do tuổi cao sức yếu không sử dụng nữa cho các con sử dụng chung. Năm 1986, bà K tiếp tục sử dụng vào mục đích trồng hoa màu; đến năm 2000, bà K để lại cho em gái là bà Phước sử dụng trồng hoa màu. Đến năm 2004, anh Tr hỏi bà Phước cho xin thửa đất này để vợ chồng ra ở riêng và được sự đồng ý của bà K, ông S và bà Phước cho vợ chồng anh Tr nên thửa đất này là của anh Tr - chị T, đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp GCNQSDĐ số vào sổ 2190 ngày 01/12/2004, đối với diện tích đất 389,2m² (đất ở lâu dài). Thửa đất này không phải là tài sản của ông D và bà K.

Thửa đất số 583, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 573,5m²; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; về nguồn gốc: năm 1994, vợ chồng anh Lý Văn H - chị Lê Thị H (chị H là cháu của bà K, ông S và bà Phước) chuyển từ xã Đoàn Kết đến không có đất làm nhà nên bà K bán cho anh H - chị H một mảnh đất phía sau nhà bà Phước, liền kề phía bên trái nhà bà K để làm nhà. Anh H - chị H đã làm hai gian nhà tạm (xây gạch vôi, lợp Proximăng) để ở. Đến năm 2000, bà K lấy lại mảnh đất đó cho em gái là bà Phước làm vườn vì mảnh đất đó giáp đằng sau nhà bà Phước và đổi cho anh H - chị H thửa đất phía trước giáp nhà bà K. Nguồn gốc thửa đất này có một phần là do bà K đổi đất với vợ chồng ông Tạ Can (ông Can đã chết) - bà Hoàng Thị Seo; một phần là do bà K - ông D khai hoang. Ngày 30/11/2004, anh H - chị H đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp GCNQSDĐ số vào sổ 1994, diện tích 400m² đất ở lâu dài và 80m² đất vườn tạp ổn định. Đến ngày 20/02/2009, anh H - chị H chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho anh Giang Văn T và chị Vũ Thị Thu Hà. Vì vậy thửa đất này không phải là tài sản của ông D - bà K.

Năm 2007, bà K chết; năm 2011, ông D đưa bà Trần Thị V về ở chung được một thời gian thì giữa bà V và anh T, anh M phát sinh mâu thuẫn. Ông D và bà V cùng bỏ về nhà bà V ở cách nhà ông D khoảng 100m. Ông D, anh T và anh M

chưa lần nào họp gia đình để phân chia tài sản cho anh T và anh M như ông D trình bày nêu trên và hai thửa đất đó không phải là tài sản của ông D - bà K nên ông D không có quyền chia cho anh T và anh M.

Ông D bỏ nhà về nhà bà V ở, để mặc cho nhà xuống cấp (mưa dột), anh T và anh M không thể ở được nên có hỏi ông D để thay mái ngói thành mái tôn chống mưa dột, bão gió. Ban đầu ông D đồng ý nên anh T và anh M đã lợp bản mái tôn nhà bếp, nhà kho và sân; sau đó đến phần mái ngói nhà lớn thì ông D không đồng ý nhưng vật liệu, vì kèo đã mua sẵn từ trước và vì nhà quá dột không thể ở được nên anh T và anh M phải lợp mái tôn lên trên mái ngói (mái ngói cũ vẫn còn nguyên), anh T và anh M không dám tháo dỡ. Việc anh M xây tường rào bao quanh tại thửa đất số 207, là để bảo vệ đất không cho người khác lấn chiếm vì ông D theo bà V không quan tâm đến ruộng vườn đất đai, nhiều người đã có ý định lấn chiếm. Việc anh T xây hàng gạch chỉ đổ sát đất để sau này xây tường bao, ông D không cho xây, bắt tháo dỡ nhưng anh T xây trên diện tích đất tại thửa số 583 của anh T không xây vào diện tích thửa đất của ông D.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D như nêu trên, anh T và anh M không chấp nhận vì đó là tài sản có phần di sản thừa kế của mẹ anh T và anh M (bà K) để lại, hiện nay anh T và anh M đang quản lý, sử dụng.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Tr và chị Phan Thị T đều trình bày:* phù hợp với lời khai của các bị đơn anh Giang Văn T và anh Giang Văn M trình bày nêu trên về nguồn gốc, quá trình sử dụng, về người được quyền sử dụng thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích diện tích 401,2m²; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn H và chị Lê Thị H đều trình bày:* phù hợp với lời khai của các bị đơn anh Giang Văn T và anh Giang Văn M trình bày nêu trên về nguồn gốc, quá trình sử dụng, về người sử dụng và chuyển nhượng thửa đất số 583, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 573,5m²; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, giữa anh Lý Văn H - chị Lê Thị H với anh Giang Văn T - chị Vũ Thị Thu Hà.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V trình bày phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông Coóng Mẫn D nêu trên.*

** Trong quá trình tố tụng, người làm chứng bà Hoàng Thị Seo trình bày:* phù hợp với lời khai của các bị đơn anh Giang Văn T và anh Giang Văn M nêu trên và còn khai: đầu năm 2020, ông D đi cùng một người (bà Seo không biết tên) đem văn bản đã viết sẵn đến cho bà Seo ký, mắt bà Seo kém không đọc rõ nội dung vì ông D nói ký xác nhận có việc đổi đất nên bà Seo đồng ý ký. Lời khai của bà Seo vào ngày 20/01/2022, mà Tòa án lấy lời khai là đúng sự thật còn tại văn bản thỏa thuận đổi đất ở lâu dài ngày 18/5/1993 của ông D đem đến cho bà Seo ký mà Thẩm phán đã đọc lại cho bà Seo nghe là không đúng.

** Trong quá trình tố tụng, người làm chứng bà Đặng Thị Phước trình bày:* phù hợp với lời khai của các bị đơn anh Giang Văn T và anh Giang Văn M và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lý Văn H - chị Lê Thị H và anh Đặng Văn Tr - chị Phan Thị T nêu trên.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 10 của Luật nhà ở năm 2014. Khoản 4 Điều 170 của Luật đất đai năm 2013. Điểm b, tiểu mục 2.4 mục 2 phần I Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Coóng Mần D về việc: buộc anh Giang Văn T và Giang Văn M chuyển đi chỗ khác ở trả lại cho ông Coóng Mần D toàn bộ diện tích đất 1.100m² đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H086750 ngày 13/9/1999, cùng toàn bộ tài sản trên đất và thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 312,4m², chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Coóng Mần D về việc: buộc anh Giang Văn T, anh Giang Văn M tháo dỡ toàn bộ mái tôn, móng nhà (trên thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31), tường rào (trên thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31) đã xây dựng tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V và trả lại hiện trạng ban đầu cho ông Coóng Mần D.

- Ông Coóng Mần D có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bằng một vụ án khác để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 07/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D, là ông Vũ Thế B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D, là ông Vũ Thế B có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D, là ông Vũ Thế B trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là không công bằng, chỉ đánh giá tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Coóng Mần D, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đặng Văn Tr – chị Phan Thị T và mang tên anh Lý Văn H – chị Lê Thị H thì không đánh giá, công nhận theo lời khai của anh Tr – chị T và anh H – chị H về nguồn gốc của các thửa đất này. Ông D có 04 thửa đất đã chia cho hai con mỗi người một thửa, tại biên bản hòa giải của xã ĐX: anh T và anh M, đã trình bày là ông D cho đất. Ông D và bà K chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, nên bà K không có quyền đối với tài sản. Anh H với anh T có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vô hiệu, vì đất không phải là của anh H. Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D; kiến nghị kiểm tra lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Tr và anh H, do anh T và anh M đã công nhận là được ông D cho tại Biên bản hòa

giải của xã. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trình tự thủ tục tố tụng, đề nghị hủy án sơ thẩm.

- Các bị đơn anh Giang Văn T, anh Giang Văn M và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông Đặng Thanh S, đều trình bày không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Coóng Mần D, vì anh T và anh M có quyền đối với phần tài sản của bà K chết để lại trong khối tài sản chung với ông D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Coóng Mần D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Tr trình bày: thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 401,2m²; địa chỉ: thôn ĐT, xã DX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, là của vợ chồng anh Tr; về nguồn gốc thửa đất này là của ông bà nội anh Tr, năm 2004, anh Tr hỏi bà Phước cho xin thửa đất này để vợ chồng ra ở riêng và đã được sự đồng ý của bà K, ông S (bố anh Tr) và bà Phước cho vợ chồng anh Tr, vợ chồng anh Tr đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp GCNQSDĐ số vào sổ 2190 ngày 01/12/2004, đối với diện tích đất 389,2m² (đất ở lâu dài), không phải là tài sản của ông D và bà K nhờ anh Tr làm giấy chứng nhận quyền sử dụng và đứng tên như ông D trình bày.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên, đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Coóng Mần D là có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D, là ông Vũ Thế B. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D, là ông Vũ Thế B làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Phan Thị T, anh Lý Văn H – chị Lê Thị H, đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Anh Lý Văn H – chị Lê Thị H, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Phan Thị T vắng mặt nhưng có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Tr là chồng chị T có mặt tại phiên tòa,

anh Tr có quan điểm xin đại diện cho cả chị Phan Thị T tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mẩn D, là ông Vũ Thế B. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, về người tham gia tố tụng và thẩm quyền: căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Coóng Mẩn D nộp kèm theo đơn khởi kiện; căn cứ tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách người tham gia tố tụng và tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện ông D về việc yêu cầu anh T và anh M chuyển đi chỗ khác ở trả lại cho ông D toàn bộ diện tích đất 1.100m², đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số H086750 ngày 13/9/1999, cùng toàn bộ tài sản trên đất và thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 312,4m²(chưa được cấp GCNQSDĐ); địa chỉ đều tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Coóng Mẩn D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, là ông Vũ Thế B đều trình bày: ông D và bà K sống chung từ năm 1980, tạo dựng được 04 tài sản (nhà, đất) tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2007, bà K chết không để lại di chúc. Năm 2017, ông D, anh T và anh M đã thỏa thuận:

- Chia cho ông D được quyền sử dụng diện tích đất 1100m² cùng tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà lớn, 01 nhà bếp, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà kho, 01 chuồng trại, sân bê tông, móng, tường rào xây gạch xi và một số cây ăn quả tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31; GCNQSDĐ số H086750 do UBND huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 13/9/1999 mang tên ông Coóng Mẩn D và quyền sử dụng đất diện tích 312,4m² tại thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, chưa được cấp GCNQSDĐ.

- Chia cho anh T được quyền sử dụng diện tích đất 573,5m² tại thửa đất số 583, tờ bản đồ địa chính số 31. Năm 2004, ông D đã nhờ anh Lý Văn H làm hộ và đứng tên GCNQSDĐ thửa đất này.

- Chia cho anh M được quyền sử dụng diện tích đất 401,2m² tại thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31. Năm 2004, ông D đã nhờ anh Đặng Văn Tr làm hộ và đứng tên GCNQSDĐ thửa đất này.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được quyền sử dụng diện tích đất 573,5m² tại thửa đất số 583, tờ bản đồ địa chính số 31 và quyền sử dụng diện tích đất 401,2m² tại thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31, là tài sản của ông D và bà K tạo dựng được trong quá trình sống chung hoặc là tài sản của ông D tạo dựng được từ sau khi bà K chết.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng các quyền sử dụng đất nêu trên:

- Tại Công văn số: 2943/VPĐKQSDĐ ngày 10/9/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện V cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, thể hiện: quyền sử dụng diện tích đất 573,5m² tại thửa đất số 583, tờ bản đồ địa chính số 31, đã được UBND huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp GCNQSDĐ số 1994 ngày 30/11/2004, diện tích đất được cấp là 480m² mang tên ông Lý Văn H - bà Lê Thị H, trên bản đồ hiện nay có quy chủ là ông Giang Văn T; về nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ ông Lý Văn H - bà Lê Thị H đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận sang tên ngày 20/02/2019. Quyền sử dụng diện tích đất 401,2m² tại thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31, trên bản đồ có quy chủ là ông Đặng Văn Tr, đã được UBND huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp GCNQSDĐ số vào sổ 2190 ngày 01/12/2004; căn cứ hồ sơ thửa đất, xác định có nguồn gốc đất ở ổn định từ năm 2002, thuộc trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất (thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất).

- Tại Công văn số: 01/UBND ngày 06/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh về việc cung cấp thông tin liên quan đến nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 583 và thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh và tại Biên bản làm việc ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh với Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, đều có nội dung phù hợp với nội dung tại Công văn số: 2943/VPĐKQSDĐ ngày 10/9/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện V. Ngoài ra, còn thể hiện: quyền sử dụng diện tích đất 312,4m² tại thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, trên bản đồ có quy chủ là ông Coóng Mẩn D; về nguồn gốc do năm 1999: vợ chồng ông D - bà K khai phá sử dụng để sản xuất nông nghiệp; năm 2007: bà K chết, gia đình tiếp tục sử dụng cho đến nay. Quyền sử dụng diện tích đất 1.100m² tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31, trên bản đồ có quy chủ là ông Coóng Mẩn D, đã được UBND huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp GCNQSDĐ số H086750, sổ vào sổ cấp CGCN số 328 ngày 13/9/1999 mang tên ông Coóng Mẩn D, bà K và ông D đã tạo lập được các tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4; bà K chết không để lại di chúc. Thực tế anh T và anh M từ khi sinh ra, lớn lên và hiện nay vẫn sống tại ngôi nhà này; hàng năm vẫn tu sửa những phần phụ trợ như nhà bếp, nhà vệ sinh, mái hiên, để đảm bảo nơi ở hàng ngày, làm nơi thờ phụng tổ tiên và mẹ đẻ. Năm 2012, ông D lấy vợ và đi ở chỗ khác.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Đặng Văn Tr - chị Phan Thị T và anh Lý Văn H - chị Lê Thị H, đều có quan điểm thể hiện: không có việc ông D nhờ anh H làm hộ và đứng tên GCNQSDĐ đối với quyền sử dụng diện tích đất 573,5m² tại thửa đất số 583, tờ bản đồ địa chính số 31 và nhờ anh Tr làm hộ và đứng tên GCNQSDĐ đối với diện tích đất 401,2m² tại thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 31; đều tại địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra còn khai về nguồn gốc của các thửa đất này phù hợp với lấy lời khai của những người làm chứng: bà Đặng Thị Phước và bà Hoàng Thị Seo, phù hợp với nội dung các công văn của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V và Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện V như nêu trên.

Như vậy, ông D không có quyền sử dụng đối với các quyền sử dụng đất nêu trên để thỏa thuận với anh T, anh M về việc cho anh T và anh M các thửa đất này.

- Các bị đơn anh Giang Văn T, anh Giang Văn M và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn, là ông Đặng Thanh S đều trình bày: chưa lần nào ông D tổ chức họp gia đình để phân chia tài sản chung của ông D và bà K cho ông D, anh T và anh M. Ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã lập văn bản phân chia tài sản giữa ba bố con có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã hay Văn phòng công chứng và cũng chưa đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho anh T và anh M tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V. Như vậy chưa có việc ông D, anh T và anh M đã thỏa thuận chia tài sản chung của ông D và bà K cho anh T, anh M.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã phổ biến, giải thích cho nguyên đơn, bị đơn biết quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án, để liên hệ thực hiện quyền, nghĩa vụ của các đương sự; tài sản đang tranh chấp có di sản thừa kế của bà Đặng Thị K (bà K chết không để lại di chúc); nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận phân chia hoặc có quyền yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Nhưng nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án chia thừa kế, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xác định: tài sản ông D yêu cầu anh T và anh M trả lại cho ông D là tài sản chung của ông D và bà K; anh T và anh M, từ khi sinh ra đã sinh sống tại đây cùng ông D và bà K; năm 2007, bà K chết không để lại di chúc nên tài sản này trở thành tài sản chung của ông D, anh T và anh M. Quyền sở hữu của anh T và anh M là do được thừa kế theo quy định tại Điều 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D về việc buộc anh T và anh M chuyển đi chỗ khác ở, trả lại cho ông D toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 1.100m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31, GCNQSDĐ số H086750 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 13/9/1999 mang tên ông Coóng Mẩn D và quyền sử dụng đất diện tích 312,4m² tại thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 312,4m² (chưa được cấp GCNQSDĐ); địa chỉ đều tại thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, là không có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông D về việc buộc anh T và anh M tháo dỡ toàn bộ mái tôn, móng nhà trên quyền sử dụng đất diện tích 1.100m² tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31; tường rào xây gạch chỉ trên quyền sử dụng đất diện tích 312,4m² tại thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31 do anh T và anh M xây trái phép, để trả lại hiện trạng tài sản ban đầu cho ông D:

Từ nhận định tại mục [2.2], xác định: anh T và anh M, từ khi sinh ra đến nay vẫn cư trú, sinh sống tại ngôi nhà xây trên quyền sử dụng đất diện tích 1.100m² tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31. Sau khi bà K chết, ông D kết hôn với bà V. Bà V có về sống chung với ông D, anh T và anh M được một thời gian, sau đó ông D mới theo bà V về nhà bà V ở, chỉ còn anh T và anh M quản lý, sử dụng tài sản này. Nhà bếp, công trình phụ, móng nhà lớn được ông S xây dựng từ trước năm 1982, rồi bán lại cho ông D và bà K; năm 1987, ông D và bà K xây thêm ngôi nhà cấp 4 (nhà lớn) trên móng nhà do ông S xây. Đến năm 2014 – 2015,

thì công trình phụ, nhà bếp xuống cấp vì đã xây dựng trên 30 năm nên anh T và anh M hỏi ông D để bán mái tôn nhà bếp, công trình phụ và sân nhưng ông D không nói gì. Đến năm 2019, thì phần mái nhà lớn bị dột, sợ mùa mưa đến không ở được, có thể gây nguy hiểm về tính mạng và tài sản nên anh T và anh M tiếp tục hỏi ông D để lợp lại mái nhà lớn, nhưng ông D không đồng ý nên anh T và anh M chỉ lợp bán mái tôn lên phía trên mái ngói để chống mưa dột, không tháo dỡ mái nhà, chưa ảnh hưởng đến tài sản. Anh T và anh M, sửa chữa, bảo quản tài sản nhằm mục đích gìn giữ tài sản và để có chỗ ở, sinh hoạt hàng ngày đảm bảo an toàn là phù hợp.

Về việc năm 2016, anh M xây tường rào bao quanh tại quyền sử dụng đất diện tích 312,4m² tại thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, là để bảo vệ không cho người khác lấn chiếm. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2021, phần móng mà ông D yêu cầu anh T tháo dỡ, anh T xây bằng gạch chỉ có chiều rộng 30cm x chiều dài 20m, không xây vào quyền sử dụng đất diện tích 1.100m² tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31 của ông D và bà K đã được cấp GCNQSDĐ nên không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Hơn nữa, từ khi bà K chết không để lại di chúc, tài sản này là tài sản chung của ông D, anh T và anh M như nhận định nêu trên thì việc anh T và anh M, sửa chữa nhà và xây dựng tường rào để bảo quản di sản cho đến khi có việc phân chia di sản thừa kế của bà K là đang thực hiện quyền và nghĩa vụ của người quản lý di sản, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 616; điểm a khoản 2 Điều 617 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 616 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp di chúc không chỉ định người quản lý di sản và những người thừa kế chưa cử được người quản lý di sản thì người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản tiếp tục quản lý di sản đó cho đến khi những người thừa kế cử được người quản lý di sản”*.

Điểm a khoản 2 Điều 617 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ của người quản lý di sản:

“...

2. Người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản quy định tại khoản 2 Điều 616 của Bộ luật này có nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo quản di sản...”

Do đó, yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông D là không có căn cứ.

[2.4] Đối với kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D, là ông Vũ Thế B với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trình tự thủ tục tố tụng, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa không công bằng, không vô tư trong khi thực thi nhiệm vụ; Thư ký phiên tòa không ghi biên bản tại phiên tòa, không có biên bản phiên tòa sau khi kết thúc phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy: ông B cho rằng khi bị đơn không bổ sung tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu phản tố, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ra thông báo thụ lý bổ sung là vi phạm, thiên vị bị đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Coóng Mần D, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo về việc thụ lý vụ án (bổ sung) số: 02/TB-TLVA ngày 10/3/2021 và Thông báo thụ lý về việc bổ sung người tham gia tố tụng số: 01/TB-TA ngày 27/12/2021, là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo “*Quá trình giải quyết xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trình tự thủ tục tố tụng, thẩm phán chủ tọa phiên tòa không công bằng, không vô tư trong khi thực thi nhiệm vụ; thư ký không ghi biên bản tại phiên tòa, không có biên bản phiên tòa sau khi kết thúc phiên tòa*”.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Coóng Mần D là có căn, không có căn cứ kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D là ông Vũ Thế B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Coóng Mần D, đều không được Tòa án chấp nhận. Ông Coóng Mần D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Coóng Mần D.

[4] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu khởi kiện của ông Coóng Mần D không được Tòa án chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), ông D đã nộp đủ.

[5] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, quyết định nội dung: ông Coóng Mần D có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, bằng một vụ án khác để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông, là không đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Coóng Mần D, là ông Vũ Thế B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166; khoản 5 Điều 221; khoản 2 Điều 616 và điểm a khoản 2 Điều 617 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 10 của Luật Nhà ở năm 2014. Khoản 4 Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Coóng Mần D về việc: buộc anh Giang Văn T và anh Giang Văn M tháo dỡ toàn bộ mái tôn, móng nhà trên quyền sử dụng đất diện tích 1.100m² tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31; tường rào xây gạch chỉ trên quyền sử dụng đất diện tích 312,4m² tại thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31, chuyển đi chỗ khác ở trả lại cho ông Coóng Mần D toàn bộ: quyền sử dụng đất diện tích 1.100m² cùng tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 26 và 31; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H086750 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 13/9/1999 mang tên ông Coóng Mần D và quyền sử dụng đất diện tích 312,4m² tại thửa đất số 207, tờ bản đồ địa chính số 31; địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐX, huyện V, tỉnh Quảng Ninh (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

[2] Về án phí: miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Coóng Mần D.

[3] Về chi phí tố tụng: ông Coóng Mần D phải chịu 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Coóng Mần D đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh Bùi Đức Thanh

Nguyễn Thúy Hằng